TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 27-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bình; ông Nguyễn Văn Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên**.**

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/7/2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2021, số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn B - Sinh năm: 1982 - Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Ng - Sinh năm: 1987 - Địa chỉ: Thôn 5, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ng kết hôn ngày 13/8/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, giữa vợ chồng và giữa mẹ chồng với con dâu thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị Ng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn chị Ng.

Về con: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trịnh Tuấn A - Sinh ngày: 03/5/2016 và Trịnh Ngọc D - Sinh ngày: 05/7/2017. Hiện các cháu đang ở với mẹ.

Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tuấn A, còn chị Ng trực tiếp nuôi cháu Ngọc D; anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Ng cho cháu Ngọc D là 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2021 và biên bản hòa giải ngày 22/6/2021, bị đơn chị Trần Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm, cơ sở kết hôn như anh B trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình nhà ai cũng có lúc này lúc kia, một phần cũng do kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần nhiều, bên cạnh đó mẹ chồng nhiều khi không hiểu, không thông cảm nên mâu thuẫn mẹ chồng con dâu ngày càng nhiều. Mặt khác, do anh B có một số hiểu lầm về chị, không tin tưởng nên vợ chồng nhiều khi bất hòa với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau, chị và anh B vẫn gặp nhau và nói chuyện hòa giải với nhau nhưng chưa đi đến thống nhất, vì vậy anh B làm đơn ly hôn nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị vẫn thương chồng con, con chị cần có bố, chị cũng không làm gì có lỗi lầm sai trái nên chị đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

Về con: Chị thừa nhận vợ chồng chị có 02 con chung như anh B khai. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn B, cho anh Trịnh Văn B được ly hôn chị Trần Thị Ng. Về con: Giao cháu Trịnh Tuấn A - Sinh ngày: 03/5/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Ngọc D - Sinh ngày: 05/7/2017 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh B về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng cháu Ngọc D là 4.000.000đ/tháng. Về án phí: Anh B phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của anh Trịnh Văn B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Văn B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Ng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Ngày 17/8/2021, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, chị Ng vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Ngày 09/9/2021, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng do dịch bệnh Covid-19, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đang trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19; nên Hội thẩm nhân dân, các đương sự không thể có mặt tại phiên tòa được vì lý do trở ngại khách quan, phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Ng vắng mặt, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Về hôn nhân:

Anh Trịnh Văn B và chị Trần Thị Ng kết hôn ngày 13/8/2015, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh B là do tính tình không hợp, giữa vợ chồng và giữa mẹ chồng với con dâu thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Còn theo chị Ng là do kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần nhiều, bên cạnh đó mẹ chồng nhiều khi không hiểu, không thông cảm nên mâu thuẫn mẹ chồng con dâu ngày càng nhiều, mặt khác, do anh B có một số hiểu lầm về chị, không tin tưởng nên vợ chồng nhiều khi bất hòa với nhau. Anh B và chị Ng sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh B và chị Ng đã gặp gỡ nhau để hòa giải nhưng không được. Nay anh B thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn, còn chị Ng thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý, chị đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

HĐXX xét thấy, anh B và chị Ng đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị đã tự hòa giải và Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng vẫn không được. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 11/6/2021, đại diện thôn 5, xã Nga Văn cho biết chị Ng và anh B kết hôn vào năm 2015, sau ngày kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh B đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, giữa mẹ chồng con dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, từ tháng 8/2019 cho đến nay chị Ng cùng 02 con về bên ngoại sinh sống, thỉnh thoảng anh B đón các cháu về nhà chơi. Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho anh B được ly hôn chị Ng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh B và chị Ng có 02 con chung là Trịnh Tuấn A - Sinh ngày: 03/5/2016 và Trịnh Ngọc D - Sinh ngày: 05/7/2017. Anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tuấn A, chị Ng trực tiếp nuôi cháu Ngọc D; còn chị Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con.

HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu được nuôi con của cả hai bên đương sự đều phù hợp, tuy nhiên, cha, mẹ đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Vì vậy, cần giao cháu Trịnh Tuấn A - Sinh ngày: 03/5/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Ngọc D - Sinh ngày: 05/7/2017 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng anh B tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Ngọc D là 4.000.000đ/tháng, cần chấp nhận sự tự nguyện về cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh B.

[4] Về tài sản: Anh B và chị Ng không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Trịnh Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn B, cho anh B được ly hôn chị Trần Thị Ng.

2. Về con: Giao cháu Trịnh Tuấn A - Sinh ngày: 03/5/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Ngọc D - Sinh ngày: 05/7/2017 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc D là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu Ngọc D thành niên. Anh B và chị Ng có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Tổng cộng án phí anh B phải nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0011059 ngày 31/5/2021 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; anh B còn phải nộp số tiền án phí DSST là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Anh B có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ng có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã V, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Tuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Bình **Nguyễn Văn Hạnh** **Tạ Văn Tuyển**